

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 6 PT DTNT THCS - NĂM HỌC 2024 - 2025
(Danh sách sắp ABC theo họ tên TS)

TT	Họ và tên thí sinh	Năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu	ƯT	Điểm lớp 1		Điểm lớp 2		Điểm lớp 3		Điểm KT cuối năm lớp 4				Điểm KT cuối năm lớp 5				Điểm xét tuyển	Kết Quả
						Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	K.học	LS&ĐL	Toán	TV	K.học	LS&ĐL		
1	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	27/11/2013	Mường	Xã Độc Lập (Độc Lập), Tp HB	1,00	8	7	10	9	10	9	10	9	10	9	9	9	9	9	128.00	Đ
2	NGUYỄN LINH AN	28/03/2013	Mường	Xã Quang Tiến (Phúc Tiến), Tp HB	1,00	10	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	128.00	Đ
3	NGUYỄN QUÁCH BẢO LỘC	14/01/2013	Mường	Xã Quang Tiến (Yên Quang), Tp HB	1,00	9	10	9	9	9	9	9	9	9	9	8	9	9	9	127.00	Đ
4	NGUYỄN DUY HUNG	22/10/2013	Mường	Xã Quang Tiến (Yên Quang), Tp HB	1,00	8	7	8	8	9	8	9	9	9	9	9	9	9	9	121.00	Đ
5	NGUYỄN ĐỨC TÚ	19/08/2013	Mường	Xã Mông Hóa (Dân Hòa), Tp HB	1,00	9	9	10	9	10	9	9	8	8	7	9	9	9	9	125.00	Đ
6	BÙI HẢI PHONG	27/05/2013	Mường	Thị trấn (Cửu Long), huyện LS	1,00	9	9	9	9	10	9	9	8	9	8	9	8	10	10	127.00	Đ
7	NGUYỄN TUẤN NGHĨA	29/05/2013	Mường	Thị trấn (Hùng Sơn), huyện LS	1,00	10	9	9	9	9	8	9	8	9	9	9	8	8	7	122.00	Đ
8	PHẠM TÙNG DƯƠNG	14/08/2013	Tày	Thị trấn (Bãi Lạng), huyện LS	1,00	10	9	9	9	9	9	10	9	10	10	10	9	9	9	132.00	Đ
9	ĐINH THỊ KIM PHƯỢNG	06/05/2013	Mường	Xã Cao Sơn (Cao Răm), huyện LS	1,00	10	10	10	10	10	10	9	9	9	9	10	9	10	10	136.00	Đ
10	HOÀNG VĂN THO	16/03/2013	Mường	Xã Cao Sơn (Cao Răm), huyện LS	1,00	10	9	9	9	10	9	9	9	9	9	9	9	9	9	129.00	Đ
11	BÙI MINH TRANG	27/04/2013	Mường	Xã Cao Sơn (Trường Sơn), huyện LS	1,00	10	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9	9	9	9	136.00	Đ
12	LƯƠNG HẢI BĂNG	06/04/2013	Mường	Xã Cao Sơn (Hợp Hoà), huyện LS	1,00	10	10	9	9	10	9	9	9	10	10	10	9	10	9	134.00	Đ
13	BÙI THỊ HẢI YẾN	28/03/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Thành Lập), huyện LS	1,00	9	8	10	9	9	9	9	10	9	9	9	9	10	10	130.00	Đ
14	NGUYỄN MINH THÔNG	08/08/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Thành Lập), huyện LS	1,00	10	9	9	9	10	8	6	9	9	7	9	8	7	8	119.00	Đ
15	NGUYỄN LINH CHI	13/11/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Trung Sơn), huyện LS	1,00	10	10	10	9	10	10	9	9	9	9	10	9	10	9	134.00	Đ
16	BÙI THỊ THU HIỀN	13/06/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Trung Sơn), huyện LS	1,00	10	8	9	9	10	9	10	10	10	9	9	9	9	9	131.00	Đ

TT	Họ và tên thí sinh	Năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu	ƯT	Điểm lớp 1		Điểm lớp 2		Điểm lớp 3		Điểm KT cuối năm lớp 4				Điểm KT cuối năm lớp 5				Điểm xét tuyển	Kết Quả
						Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	K.học	LS&ĐL	Toán	TV	K.học	LS&ĐL		
17	NGUYỄN XUÂN LỘC	17/08/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Tiến Sơn), huyện LS	1,00	10	9	9	9	9	9	10	9	9	9	10	9	10	9	131.00	Đ
18	BÙI NGUYỄN XUÂN GIAO	07/02/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Tiến Sơn), huyện LS	1,00	9	9	9	9	10	9	7	9	8	8	9	9	9	9	124.00	Đ
19	HOÀNG NGỌC TÚ	09/09/2013	Mường	Xã Liên Sơn (Liên Sơn), huyện LS	1,00	6	6	8	7	8	7	7	6	7	7	7	6	8	7	98.00	Đ
20	PHẠM NGUYỄN MINH CHÂU	13/10/2013	Mường	Xã Cao Dương (Cao Dương), huyện LS	1,00	9	10	9	10	9	9	10	9	9	9	9	9	9	10	131.00	Đ
21	BÙI NHƯ Ý	19/10/2013	Mường	Xã Cao Dương (Cao Dương), huyện LS	1,00	9	9	9	9	9	9	9	10	9	9	9	9	9	9	128.00	Đ
22	BÙI NAM KHÁNH	13/09/2013	Mường	Xã Cao Dương (Tân Thành), huyện LS	1,00	9	10	9	9	9	9	10	9	9	9	9	9	9	9	129.00	Đ
23	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	02/03/2013	Mường	Xã Cao Dương (Tân Thành), huyện LS	1,00	9	10	9	9	9	7	8	7	8	5	10	9	8	8	117.00	Đ
24	NGUYỄN DUY KHÁNH	11/12/2013	Mường	Xã Cao Dương (Tân Thành), huyện LS	1,00	9	9	7	9	8	9	9	8	7	9	5	7	9	8	114.00	Đ
25	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	10/01/2013	Mường	Xã Cao Dương (Hợp Châu), huyện LS	1,00	9	10	9	9	9	9	9	9	9	9	10	9	9	9	129.00	Đ
26	NGUYỄN TRÀ MY	17/09/2013	Mường	Xã Cao Dương (Hợp Châu), huyện LS	1,00	9	9	10	9	9	9	9	9	9	9	8	9	8	9	126.00	Đ
27	PHAN THẾ TÙNG	11/12/2013	Tày	Xã Hoà Sơn, huyện LS	1,00	7	8	7	6	6	6	10	7	8	8	9	9	8	6	106.00	Đ
28	HOÀNG CÔNG VIỆT HOÀNG	07/07/2013	Mường	Xã Hoà Sơn, huyện LS	1,00	7	7	8	6	8	8	5	5	7	6	9	9	10	10	106.00	Đ
29	BÙI NHẬT LỆ	12/08/2013	Mường	Xã Tân Vinh, huyện LS	1,00	10	9	10	10	9	8	10	9	10	9	10	10	10	9	134.00	Đ
30	HOÀNG THỊ NHUNG	04/06/2013	Mường	Xã Tân Vinh, huyện LS	1,00	8	9	9	8	10	9	10	9	9	10	9	9	9	9	128.00	Đ
31	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	24/09/2013	Mường	Xã Cư Yên, huyện LS	1,00	9	8	9	7	7	7	9	8	9	8	7	8	8	9	114.00	Đ
32	NGUYỄN MAI HƯƠNG	06/08/2013	Mường	Xã Cư Yên, huyện LS	1,00	9	7	8	7	5	6	7	7	8	6	9	7	9	7	103.00	Đ
33	BÙI THÀNH CHUNG	05/07/2013	Mường	Xã Cư Yên, huyện LS	1,00	7	6	7	6	7	5	7	7	7	8	9	8	7	9	101.00	Đ
34	TRẦN VƯƠNG AN	26/11/1013	Mường	Xã Nhuận Trạch, huyện LS	1,00	9	9	10	10	10	9	9	9	9	9	10	9	10	9	132.00	Đ

TT	Họ và tên thí sinh	Năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu	U.T	Điểm lớp 1		Điểm lớp 2		Điểm lớp 3		Điểm KT cuối năm lớp 4				Điểm KT cuối năm lớp 5				Điểm xét tuyển	Kết Quả
						Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	K.học	LS&ĐL	Toán	TV	K.học	LS&ĐL		
35	LÊ THU TRANG	25/07/2013	Mường	Xã Nhuận Trạch, huyện LS	1,00	9	8	9	10	8	9	6	8	8	7	5	8	9	8	113.00	Đ
36	Y HÀ VY	30/11/2013	Ê Đê	Xã Lâm Sơn, huyện LS	1,00	9	8	8	5	6	6	9	9	9	10	9	9	9	8	115.00	Đ
37	BÙI HOÀNG VÂN KHÁNH	12/03/2013	Mường	Xã Thanh Sơn (Hợp Thanh), huyện LS	1,00	9	9	10	9	10	9	10	9	9	9	9	9	9	9	130.00	Đ
38	BÙI TUỆ LÂM	03/08/2013	Mường	Thanh Cao (Thanh Lương), huyện LS	1,00	10	9	10	9	10	9	10	9	9	9	10	9	9	9	132.00	Đ

Lương Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2024

THƯ KÝ

Nguyễn Khánh Tùng

CÁN BỘ SỞ GD&ĐT KIỂM TRA

Hatg2

Trần Thị Thanh Hương

CÁC ỦY VIÊN HĐ XÉT TUYỂN

Nguyễn Kim Hợp
Trần Việt Hà
Nguyễn Thị Sâm
Nguyễn Thu Hằng
S. Phạm Ngọc Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN XÁC NHẬN

Danh sách này có 38 thí sinh đủ điều kiện xét tuyển, Trong đó

- Nữ: 22 - Dân tộc: 38
- Được cộng điểm KK 0,5: 0
- Được cộng điểm KK 1,5: 0
- Được cộng điểm KK 2,5: 0
- Được cộng điểm KK 3,5: 0
- Được cộng điểm KK 4,5: 0
- Được cộng điểm KK 1,0: 38
- Được cộng điểm KK 2,0: 0
- Được cộng điểm KK 3,0: 0
- Được cộng điểm KK 4,0: 0
- Được cộng điểm KK 5,0: 0

Học Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2024

DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đinh Thị Hương

CHỦ TỊCH HĐ TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Đình Kiên

